

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-PT

Ngày 05-9-2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
tài sản trên đất và yêu cầu bồi
thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Ông Phạm Văn Tuệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐ-PT ngày 09/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐ-PT ngày 17/8/2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vi Văn B, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn NR, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Dương Thị Quỳnh H - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Ông Vy Văn Ế, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn NR, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Chu Bích T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Trọng

H, Luật sư Văn phòng Luật sư H, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1981; có mặt.
2. Bà Triệu Thị T, sinh năm 1969; có mặt.
3. Ông Vi Văn M, sinh năm 1984; vắng mặt.
4. Bà Phùng Thị V, sinh năm 1975; vắng mặt.
5. Anh Hứa Văn Đ, sinh năm 1993; vắng mặt.
6. Anh Hứa Văn D, sinh năm 2000; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

7. Ông Vi Văn M1. sinh năm 1981. Hộ khẩu thường trú: Thôn NL, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay, địa chỉ xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

8. Bà Vi Thị V, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn NK, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Bà Vi Thị C, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn NM, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Ủy ban nhân dân xã T, huyện V. Người đại diện theo pháp luật là ông Liễu Văn C, Chủ tịch UBND xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Hứa Văn V. Trú tại: Thôn NR, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Bà Lý Thị B. Trú tại: thôn LP - Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Bà Triệu Thị V; có mặt.

4. Bà Triệu Thị T; có mặt.

Cùng trú tại: LQ, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn

5. Bà Triệu Thị T. Trú tại: Làng T, xã IG, huyện C, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

6. Bà Triệu Thị C. Trú tại: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

7. Bà Hứa Thị Á. Trú tại: Thôn ĐT, xã IG, huyện C, tỉnh Gia Lai; có mặt.

8. Ông Hoàng Văn H. Trú tại: thôn LP - BN, xã Tân Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Vy Văn É là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 01 /2022/DS-ST ngày 30 thán 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Vi Văn B trình bày: Ông có rừng Hôi tại CL (trước đây là CD) – Sầm Canh, thôn LP – Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn gốc là của bố ông Vi Văn N (đã chết) mua với ông Triệu Minh T (tức Triệu Văn C, đã chết), mua năm 1995, diện tích khoảng 4 đến 5 mẫu, tài sản trên đất có khoảng hơn 100 cây hồi già. Đến năm 1997 mới thanh toán tiền, ông Triệu Minh T viết giấy chuyển nhượng cho ông là Vi Văn B. Gia đình quản lý, sử dụng ổn định, năm 2006 bố ông (Vi Văn N) chia đều khu đất cho 03 anh em là Vi Văn B, Vi Văn M và Vi Văn M mỗi người một phần nhưng không viết giấy tờ phân chia đất. Khi còn sống bố ông (Vi Văn N) đã thống nhất với ông Vy Văn É lấy hàng cây Sa Mộc làm ranh giới.

Quá trình quản lý, sử dụng từ năm 2006 đến nay hàng năm ông có đi lấy cây hồi con ở chỗ khác về trồng dặm, trồng cây sớ trong toàn khu rừng và phần diện tích đất đang tranh chấp nhưng không ai ý kiến gì, đến nay ông chưa đi kê khai và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Khoảng tháng 10/2020 âm lịch, ông Vy Văn É phát lần chiếm qua khỏi ranh giới từ đường mòn lên đến đỉnh đồi với tổng diện tích đất tranh chấp là khoảng 330m². Gia đình ông đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông Vy Văn É không được phát lần chiếm nhưng ông Vy Văn É vẫn lấn chiếm, trong thời điểm xảy ra tranh chấp cây hồi trên đất đã bị chặt đi 05 cây nhưng ông không biết ai chặt. Ông Vi Văn B khởi kiện yêu cầu ông Vy Văn É chấm dứt hành vi tranh chấp để ông được quản lý, sử dụng diện tích đất khoảng 330m², yêu cầu ông Vy Văn É bồi thường 05 cây hồi bị chặt trị giá 6.000.000 đồng/01cây, tổng số tiền là 30.000.000 đồng.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/12/2021 xác định đất tranh chấp có diện tích là 605,1m²; gồm: Diện tích S1 là 43,6m², thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ đất lâm nghiệp số 01, xã Tân Đoàn tỷ lệ 1/10.000; diện tích S2 là 190,2m², thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ đất lâm nghiệp số 01, xã Tân Đoàn tỷ lệ 1/10.000; diện tích S3 là 371,5m², thuộc một phần thửa số 04, tờ bản đồ đất lâm nghiệp số 01, xã Tân Đoàn tỷ lệ 1/10.000 (trong đó diện tích S2 là 190,2m², bị cấp chồng lên một phần thửa số 3, tờ bản đồ địa chính số 4, xã Tân Đoàn tỷ lệ 1/1.000; Diện tích S3 là 371,5m², cấp chồng lên một phần thửa số 3, tờ bản đồ địa chính số 4, xã Tân Đoàn tỷ lệ 1/1.000). Tài sản trên đất gồm có 10 cây hồi; 01 cây sớ; 02 cây tạp; 03 cây sa mộc (*thể hiện tại Sơ đồ khu đất tranh chấp do Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn đo đạc ngày 03/12/2021*).

Nay ông Vi Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 605,1m² và toàn bộ tài sản trên đất theo kết quả đo đạc ngày 03/12/2021. Yêu cầu ông Vy Văn É chấm dứt hành vi tranh chấp và phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 11.050.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Vi Văn B có yêu cầu ông Vy Văn É bồi thường chi phí đi lại trong thời gian

giải quyết tranh chấp trong 20 ngày x 350.000 đồng, tổng số tiền yêu cầu là 7.000.000 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H; ông Vi Văn M, ông Vi Văn M, bà Vi Thị V, bà Vi Thị C thống nhất trình bày của ông Vi Văn B và yêu cầu giải quyết cho ông Vi Văn B được quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất tranh chấp.

Bị đơn ông Vy Văn É trình bày: Rừng hồi tại CD, thôn LP – Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn có nguồn gốc là do bố, mẹ vợ ông khai phá từ lâu. Ông kết hôn với bà Triệu Thị T là con của ông Triệu Minh T (tức Triệu Văn C) từ năm 1988. Đến năm 1995 ông Triệu Minh T chuyển đi Miền Nam có bán một phần đất rừng cho ông Vi Văn N (bố ông Vy Văn B), phần còn lại để cho vợ chồng ông quản lý, sử dụng với mục đích vợ chồng ông nuôi chị gái vợ bị tâm thần (là Triệu Thị N). Ranh giới giữa đất nhà ông với nhà ông Vi Văn N được xác định tính từ hàng cây sa mộc cách 2m. Việc bố vợ để lại đất rừng hồi cho vợ chồng ông không có giấy tờ, chỉ nói miệng, nhưng có để cho vợ chồng ông “Giấy giao đất rừng” do Hạt kiểm lâm huyện lập (Giấy không ghi ngày, tháng, năm, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Từ đó đến nay vợ chồng ông quản lý, sử dụng không ai lấn chiếm, cũng không thấy ông Vi Văn B quản lý và trồng hồi. Các cây hồi trên đất là do ông đánh cây ở nơi khác về trồng từ năm 2014, có 03 cây sa mộc do ông trồng năm 2012 nhưng không phải để làm ranh giới mà để làm gỗ, quá trình quản lý ông chưa kê khai và chưa được cấp GCNQSDĐ. Năm 2020 khi xảy ra tranh chấp, ông không được chặt cây, khi ông phát rừng để trồng hồi thì ông Vi Văn B đến ngăn cản. Nay ông Vy Văn É không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Vi Văn B yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và quyền sở hữu các tài sản trên đất tranh chấp; không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường 5 cây hồi bị chặt phá số tiền 30.000.000 đồng; không chấp nhận chịu chi phí tố tụng, không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường tiền công đi lại số tiền 7.000.000 đồng của ông Vi Văn B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn bà Triệu Thị T thống nhất với ý kiến của bị đơn trình bày như trên và đề nghị giải quyết cho ông Vy Văn É quản lý toàn bộ khu đất tranh chấp và các tài sản trên đất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2022 bà Phùng Thị V, anh Hứa Văn D và anh Hứa Văn Đ đều thống nhất trình bày: Gia đình bà Phùng Thị V có rừng Hồi tại CL - Sâm Canh, thôn LP - Bản N, xã T giáp với đất rừng của ông Vi Văn B và ông Vy Văn É đang tranh chấp. Rừng nhà bà Phùng Thị V mua với ông Triệu Văn C năm 1995, khác thửa, gia đình bà Phùng Thị V không có đất rừng tại vị trí đang xảy ra tranh chấp, cũng chưa đi kê khai và chưa được cấp GCNQSDĐ; đối với thửa đất đang tranh chấp không liên quan đến gia đình bà Phùng Thị V, anh Hứa Văn Đ, anh Hứa Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin được vắng mặt.

Ông Liễu Văn C - Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, trình bày: Đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của bố ông Vi Văn B mua lại với ông Triệu Văn C. Năm 2006 bố của ông Vi Văn B chia làm ba phần

cho các con quản lý, sử dụng, phần của ông Vi Văn B quản lý sử dụng đang có tranh chấp với ông Vy Văn E. Qua kiểm tra hồ sơ địa chính, hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã T thì thửa số 01, thửa số 04 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 và thửa số 3 tờ bản đồ địa chính số 4 chưa kê khai và chưa cấp GCNQSDĐ. Đối chiếu bản đồ quy hoạch thì toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc quy hoạch đất rừng phòng hộ đã được UBND tỉnh Lạng Sơn giao cho UBND xã Tân Đ quản lý tại Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 19/8/2014. Hiện nay đang xảy ra tranh chấp, UBND xã Tân T yêu cầu được tiếp tục quản lý. Đối với tài sản có trên đất do các gia đình tạo lập nay có thể giao cho dân không ảnh hưởng đến quy định về bảo vệ rừng phòng hộ.

Tại Văn bản ngày 11/01/2022 của ông Đàm Văn T - Giám định viên tư pháp theo vụ việc thông báo: Do bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1996 của xã T được thực hiện bằng phương pháp thủ công trên nền giấy, không có tọa độ cụ thể, không có dữ liệu dạng số, khu đất tranh chấp có diện tích nhỏ lại có hình thể theo dạng hình tuyến, nên khó khăn trong việc chồng, ghép xác định diện tích đất tranh chấp. Do vậy, không thực hiện được giám định.

Tại Văn bản số: 2318/UBND-TNMT ngày 30/12/2021, số 254/UBND-TNMT ngày 24/2/2022 của UBND huyện V, tỉnh Lạng Sơn về việc cung cấp thông tin liên quan đến vụ án, xác định diện tích đất tranh chấp 605,1m² (có 233,6m² thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01, bản đồ đất lâm nghiệp xã T “trong đó có 190,0m² cấp chồng lên thửa đất số 03, tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã T và 371,5m² thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ số 01, bản đồ đất lâm nghiệp xã T cấp chồng đè lên thửa số 03, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã T”; Đối chiếu với bản đồ theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cho thấy khu đất tranh chấp nằm trong vị trí quy hoạch rừng phòng hộ; Đối chiếu với sổ mục kê cho thấy thửa đất số 03, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã T đứng tên chủ sử dụng đất là ông Hứa Văn Y, là loại đất trồng cây lâu năm, ông Hứa Văn Y chưa được cấp GCNQSDĐ; Đối chiếu sổ mục kê đất lâm nghiệp thì thửa đất số 01, tờ bản đồ số 01 là đất đồi chưa sử dụng do UBND xã Tân Đ quản lý; Thửa đất số 04, tờ bản đồ số 01, bản đồ lâm nghiệp xã Tân Đ là đất trồng cây lâu năm, trên sổ mục kê chưa có chủ sử dụng đất.

Các thửa đất trên chưa kê khai và chưa cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân quản lý, sử dụng. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân không đảm bảo quy định của Điều 188; 192 Luật đất đai năm 2013, nên các hộ gia đình không được phép chuyển nhượng đất rừng phòng hộ nêu trên. Đối với tài sản cây hồi, cây sa mộc, cây sớ do các hộ gia đình tạo lập có thể xem xét giao lại cho các hộ gia đình quản lý, không ảnh hưởng đến các quy định bảo vệ rừng phòng hộ.

Tại Biên bản xác minh ngày 29/3/2022, tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh Lạng Sơn cho thấy, theo Quyết định 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt, điều chỉnh ranh giới 3 loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 và Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm

2030 của huyện Văn Q, tỉnh Lạng Sơn toàn bộ diện tích đất tranh chấp 605,1m²; địa ranh: CL (CD) – Sâm Canh, LP - Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là đất thuộc quy hoạch rừng phòng hộ; tại Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn v/v giao rừng và đất rừng phòng hộ chưa giao, chưa cho thuê; do UBND xã T, huyện V quản lý.

Tại Văn bản số: 410/CV-HKL ngày 25/01/2022 của Hạt kiểm lâm huyện V cung cấp thông tin: Diện tích đất tranh chấp được UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt quy hoạch là rừng phòng hộ đến năm 2030. Theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn v/v giao rừng và đất rừng phòng hộ chưa giao, chưa cho thuê; do UBND cấp xã quản lý, vì đất tranh chấp là đất quy hoạch rừng phòng hộ. Đối với tài sản trên đất là cây hồi, sa mộc, cây sỡ, Tòa án có thể xem xét giao tài sản trên đất cho các hộ gia đình quản lý, bảo vệ nhưng phải đảm bảo có năng lực quản lý, bảo vệ rừng bền vững (đặc biệt là đối với rừng phòng hộ); không được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại khoản 3 điều 14 Luật Lâm nghiệp; Hộ gia đình, cá nhân không được phép chuyển nhượng đất rừng phòng hộ. Giai đoạn 1995 - 2000 Hạt Kiểm lâm có thực hiện việc giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, tuy nhiên hiện nay các giấy tờ có liên quan đến việc giao đất, giao rừng không còn lưu giữ, do đó Hạt Kiểm lâm không có cơ sở để cung cấp thông tin. Đối với Giấy giao quyền sử dụng rừng và đất rừng của ông Triệu Minh T số 51089 không ghi ngày, tháng, năm, không có xác nhận của UBND xã và của Hạt Kiểm lâm do vậy không có cơ sở pháp lý để công nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng.

Văn bản số: 235/UBND-THNC ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin liên quan đất tranh chấp: Toàn bộ diện tích đất tranh chấp 605,1m² thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc giao rừng và đất rừng phòng hộ chưa giao, chưa cho thuê, do UBND cấp xã quản lý, hiện nay diện tích đất tranh chấp nêu trên do UBND xã T, huyện V quản lý, lập phương án và kế hoạch giao, cho thuê rừng. Trường hợp ông Vi Văn B và ông Vy Văn É có nhu cầu khả năng bảo vệ, phát triển rừng và đang sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ, diện tích đất tranh chấp chưa được giao hoặc cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê thì được Nhà nước xem xét giao đất rừng để bảo vệ và phát triển rừng. Căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 59 Luật Đất đai năm 2013; điểm d, khoản 2 Điều 102 Luật Lâm nghiệp năm 2017 thì ông Vi Văn B, ông Vy Văn É sử dụng phần diện tích đất nêu trên khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao là vi phạm pháp luật.

Tại Bàn án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan đã quyết định:

1. Về quyền sử dụng đất:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vi Văn B và bị đơn ông Vy Văn É yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 605,1m² có 233,6m² thuộc một phần thửa đất số 1 tờ bản đồ số 1 bản đồ đất lâm nghiệp xã T (trong đó có 190,0m² chồng đè lên thửa đất số 3 tờ bản đồ số 4 bản

đồ địa chính xã T) và 371,5m² thuộc một phần thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 bản đồ đất lâm nghiệp xã T (diện tích 371,5m² chồng đè lên thửa số 3 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã T), địa danh CL (CD) - Sâm Canh, thôn LP - Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn vì không có căn cứ.

1.2. UBND xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn có trách nhiệm quản lý diện tích đất tranh chấp 605,1m², có 233,6m² thuộc một phần thửa đất số 1 tờ bản đồ số 1 bản đồ đất lâm nghiệp xã T (trong đó có 190,0m² chồng đè lên thửa đất số 3 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã T) và 371,5m² thuộc một phần thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 bản đồ đất lâm nghiệp xã T (diện tích 371,5m² chồng đè lên thửa số 3 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã T) là đất quy hoạch rừng phòng hộ, thuộc địa danh CL (CD) - Sâm Canh, thôn LP - Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

2. Về tài sản trên đất:

2.1 Ông Vi Văn B được quyền khai thác, quản lý, sử dụng 10 cây hồi, 01 cây gỗ tạp (nằm tại vị trí điểm M sơ đồ khu đất) trên phần diện tích đất tranh chấp 605,1m² có 233,6m² thuộc một phần thửa đất số 1 tờ bản đồ số 1 bản đồ đất lâm nghiệp xã T (trong đó có 190,0m² chồng đè lên thửa đất số 3 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã T) và 371,5m² thuộc một phần thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 bản đồ đất lâm nghiệp xã T (diện tích 371,5m² chồng đè lên thửa số 3 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã T). Việc khai thác các cây trên đất quy hoạch rừng phòng hộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ.

2.2. Ông Vy Văn É được quyền khai thác, quản lý, sử dụng 03 cây Sa Mộc, 01 cây sớ, 01 cây gỗ tạp còn lại trên đất tranh chấp 605,1m² có 233,6m² thuộc một phần thửa đất số 1 tờ bản đồ số 1 bản đồ đất lâm nghiệp xã Tân Đoàn (trong đó có 190,0m² chồng đè lên thửa đất số 3 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã T) và 371,5m² thuộc một phần thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 bản đồ đất lâm nghiệp xã T (diện tích 371,5m² chồng đè lên thửa số 3 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã T). Việc khai thác các cây trên đất quy hoạch rừng phòng hộ được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ.

(Tài sản trên đất được thể hiện theo sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 03/12/2021 của Công ty cổ phần tư vấn tài nguyên số 1 Lạng Sơn)

3. Về yêu cầu bồi thường 05 cây hồi bị chặt: Không chấp nhận yêu cầu của ông Vy Văn B về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại 05 cây hồi với tổng giá trị 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 13/4/2022 ông Vy Văn É nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được quản lý toàn bộ tài sản trên diện tích đất tranh chấp 605,1m²; địa danh: CL (CD) - Sâm Canh, thôn

LP - Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, gồm: 10 cây hồi, 01 cây sớ, 03 cây sa mộc, 02 cây gỗ tạp và buộc ông Vi Văn B phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Vy Văn É giữ nguyên nội dung kháng cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Xét nội dung kháng cáo của ông Vy Văn É; nhận thấy: Đất tranh chấp xác định tại CL (CD) - Sâm Canh, thôn LP - Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Tổng diện tích đất là 605,1m². Trong đó: Diện tích 43,6m² thuộc một phần thửa số 01 tờ bản đồ lâm nghiệp 01 tỷ lệ 1/10.000; Diện tích 190,2m² thuộc một phần thửa số 01 tờ bản đồ lâm nghiệp 01 và chồng đề lên một phần thửa số 03 tờ bản đồ địa chính số 4 tỷ lệ 1/1000; Diện tích 371,5m² thuộc một phần thửa số 04 tờ bản đồ lâm nghiệp 01 tỷ lệ 1/10.000 và chồng đề lên một phần thửa số 03 tờ bản đồ địa chính số 4 tỷ lệ 1/1000. Đất chưa được cấp Giấy CNBQSDĐ, theo sổ mục kê đất lâm nghiệp thửa số 01 do UBND xã T quản lý, loại đất ĐCS (đất đồi chưa sử dụng); thửa 04 chưa xác định chủ sử dụng đất, loại đất CLN (lúa nước). Theo sổ mục kê đất nông nghiệp thửa số 3 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính, đứng tên chủ sử dụng đất là hộ ông Hứa Văn Y (đã chết), tiến hành xác minh lấy lời khai bà Phùng Thị V vợ ông Hứa Văn Y và các con đều khẳng định đất của gia đình giáp đất ông Bạch và ông Vy Văn É, nhưng diện tích đất tranh chấp không liên quan đất của gia đình. Tại các văn bản trả lời của UBND tỉnh Lạng Sơn, UBND huyện V và xã T cho biết đối chiếu với bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện V thì khu đất nằm trong vị trí quy hoạch rừng phòng hộ, đã được UBND tỉnh Lạng Sơn giao cho UBND xã T theo Quyết định 1295/QĐ-UBND ngày 19/8/2014.

Đất tranh chấp là phần ranh giới giữa 2 khu đất của ông Vi Văn B, ông Vy Văn É sử dụng. Ông Vi Văn B khai nhận chuyển nhượng của ông Triệu Minh T có giấy chuyển nhượng lập 14/8/1997, ông Vy Văn É khai do ông Triệu Minh T để lại cho vợ chồng ông, căn cứ lời khai bà Hứa Thị Á là vợ ông Triệu Minh T và các con đều xác nhận, do đó có căn cứ xác định khu đất ông Vi Văn B, ông Vy Văn É sử dụng có nguồn gốc của vợ chồng ông Triệu Minh T, bà Hứa Thị Á.

Đối với tài sản trên đất: Việc chuyển nhượng, tặng cho đất trên cho các bên đương sự không thể hiện ranh giới cụ thể, ông Vi Văn B cho rằng vị trí mốc

ranh giới là cây sa mộc của ông Vy Văn É trồng, ông Vy Văn É cho rằng từ vị trí cây sa mộc cách 2m. Căn cứ kết quả thẩm định tại chỗ, xác định thực địa đất tranh chấp vị trí cây trồng trên đất và trình bày của các đương sự thấy trên đất 10 cây hời, 3 cây sa mộc, 1 cây sớ, 2 cây tạp. Đối với cây sa mộc các bên thừa nhận do ông Vy Văn É trồng, cây sớ trồng vị trí trên đường ranh giới về phía đất ông Vy Văn É, 2 cây tạp các bên khai là cây mọc tự nhiên. Đối với 10 cây hời, trong đó có 4 cây có đường kính gốc 1- 2 cm, 6 cây có đường kính gốc 2-5cm. Nguyên đơn ông Vi Văn B khai khi bố ông mua với ông Triệu Minh T trên đất đã có các cây hời già. Bị đơn ông Vy Văn É khai khi được bố mẹ vợ cho đất cũng có các cây hời. Quá trình sử dụng đất các bên đương sự đều trình bày được lấy các cây hời con từ nơi khác về trồng dặm nhưng không xác định rõ năm trồng, các cây hời trên có đường kính gốc nhỏ, kích thước khác nhau nên xác định được trồng gần thời điểm tranh chấp (năm 2020). Có 4 cây ở vị trí trên 3 cây sa mộc (điểm G – F trên trích đo) do ông Vi Văn Bạch trồng, tại phiên tòa ông Vy Văn É cũng thừa nhận không được trồng. Đối với các cây hời còn lại các bên đều khai được trồng, tại phiên tòa nguyên đơn ông Vi Văn B trình bày phần đất của gia đình ông gần đất tranh chấp ông trồng các cây hời, căn cứ biên bản xác định thực địa khu đất ngày 29/3/2022 thấy phần đất của gia đình ông Vi Văn B quản lý, sử dụng không có tranh chấp có các cây hời tương đồng với các cây hời tại vị trí đất tranh chấp, còn phần đất ông Vy Văn É không có cây hời nào tương đồng, do đó không có căn cứ ông Vy Văn É trồng toàn bộ các cây trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Vy Văn É được quản lý sử dụng toàn bộ các cây trồng trên đất.

Đối với kháng cáo yêu cầu buộc ông Vi Văn B phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng, thấy: Tổng số tiền 11.050.000 đồng (chi phí đo đạc địa chính là 6.649.000 đồng, chi phí thẩm định 3.200.000 đồng, chi phí định giá tài sản 1.200.000 đồng). Do nguyên đơn yêu cầu quản lý, sử dụng đất nên yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ diện tích đất tranh chấp, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được quản lý, sử dụng đất nên phải chịu chi phí đo đạc và chi phí thẩm định. Đối với chi phí định giá, các bên tranh chấp tài sản các cây trồng trên đất, tổng số 21 cây trong đó có 5 cây hời bị chặt, nguyên đơn ông Vi Văn B yêu cầu bồi thường 5 cây hời bị chặt và 5 cây hời yêu cầu được quản lý sử dụng nhưng không được chấp nhận nên phải chịu tương ứng số tiền 2.095.000 đồng; bị đơn ông Vy Văn É phải chịu chi phí 11 cây không được chấp nhận tương ứng số tiền 2.305.292 đồng. Do đó có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về chi phí tố tụng.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm có một số thiếu sót sau: Phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên “*Không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Vi Văn B và bị đơn Vy Văn É yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất...*” là không phù hợp vì bị đơn có ý kiến yêu cầu được quản lý sử dụng đất, không phải là yêu cầu khởi kiện, cần sửa lời tuyên.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp nhưng cấp sơ thẩm không tuyên phía bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đối với các cây trồng mà nguyên đơn được chấp nhận là không đầy đủ. Ngoài ra bản án sơ thẩm tuyên

thiếu địa chỉ cụ thể thửa đất có các cây trồng mà mỗi bên được sử dụng, khai thác.

Từ những nội dung trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 308 BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 30/3/2022 của TAND huyện Văn Quan với nội dung như nêu trên. Về án phí phúc thẩm: Ông É được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Vy Văn É được nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Liễu Văn C, Chủ tịch UBND xã Tân Đoàn, huyện V, ông Vi Văn M, ông Vi Văn M, ông Hứa Văn Đ, ông Hứa Văn D, bà Vi Thị V, bà Vi Thị C, bà Phùng Thị V; Những người làm chứng ông Hứa Văn V, ông Hoàng Văn H, bà Lý Thị B, bà Triệu Thị V, bà Triệu Thị T, Triệu Thị T1, Triệu Thị C vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, những người này đều có bản tự khai hoặc có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt hoặc từ chối tham gia tố tụng do không liên quan. Theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Vy Văn É, thấy: Nguồn gốc đất tranh chấp theo quy hoạch sử dụng đất của UBND tỉnh Lạng Sơn đất tranh chấp là đất rừng phòng hộ. Theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc giao rừng và đất rừng phòng hộ chưa giao, chưa cho thuê, giao cho UBND cấp xã quản lý; Quyết định 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt, điều chỉnh ranh giới 3 loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 là quy hoạch rừng phòng hộ và Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/12/2021 và các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ, xác định đất tranh chấp có diện tích là 605,1m²; gồm S1 = 43,6m², thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 01; S2 = 190m², thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 01 (bản đồ tỉ lệ 1/10.000) và bị cấp chồng đề lên thửa số 03, tờ bản đồ số 4 (bản đồ tỉ lệ 1/1.000); S3 = 371,5m² nằm trong thửa số 04, tờ bản đồ số 01 (bản đồ tỉ lệ 1/10.000) cấp chồng lên thửa số 3, tờ bản đồ số 4 (bản đồ tỉ lệ 1/1.000). Toàn bộ diện tích đất tranh chấp thuộc đất quy hoạch đất rừng phòng hộ; địa danh: CL (CD) - Sâm Canh thuộc Thôn LP - Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Do đất tranh chấp thuộc quy hoạch đất rừng phòng hộ nên Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vi Văn B và bị đơn ông Vy Văn É yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất rừng phòng hộ đang tranh chấp 605,1m² là đúng.

[5] Tuy nhiên, trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn B nhưng không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vy Văn É nhưng phần quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vy Văn É là không phù hợp quy định của pháp luật, cần sửa bản án sơ thẩm cho phù hợp.

[6] Về tài sản trên đất tranh chấp: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/12/2021 xác định đất tranh chấp có diện tích là 605,1m²; tài sản trên đất gồm có 10 cây hồi, trị giá 1.900.000 đồng; 01 cây sớ, trị giá 38.000 đồng; 02 cây tạp, trị giá 44.000 đồng; 03 cây sa mộc, trị giá 164.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.146.000 đồng (hai triệu một trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

[7] Ông Vy Văn É kháng cáo yêu cầu được sở hữu toàn bộ tài sản cây trên đất; xét thấy: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của các đương sự tại phiên tòa, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện trên mảnh trích đo sơ họa thửa đất. Nguyên đơn cho rằng được trồng hồi từ năm 2006, hằng năm đều được trồng dặm cây hồi trên diện tích đất này. Bị đơn ông Vy Văn É khai quá trình quản lý, sử dụng được trồng dặm cây hồi vào năm 2014, được trồng cây sớ trên diện tích đất tranh chấp. Tuy nhiên các đương sự đều khai đi đánh cây hồi con mọc tự nhiên ở nơi khác về trồng nên không xác định được độ tuổi của cây và đều không yêu cầu giám định tuổi cây. Ông Hứa Văn V và bà Lý Thị B khai khi ông Vi Văn B nhận chuyển nhượng đất và ông Vy Văn É được cho đất trên đất đã có cây hồi do ông Triệu Minh T trồng trước đó, từ những năm sau đó các bên tiếp tục trồng dặm thêm cây hồi.

[8] Tại biên bản xác minh thực địa ngày 29/3/2022 xác định trên đất tranh chấp có 04 cây hồi, thể hiện trên mảnh trích đo sơ họa thửa đất có các điểm H, G, F, K là do ông Vi Văn B trồng; ông Vy Văn É thừa nhận không được trồng hồi trên đất tranh chấp; 06 cây hồi trồng trên phần diện tích được nối bởi các điểm F, B, A, L, K là phần đất nhà ông Vi Văn B đang quản lý, sử dụng không tranh chấp, các cây hồi này tương đồng về đường kính, chiều cao giống như 04 cây hồi trên phần đất tranh chấp. Phần đất ông Vy Văn É đang quản lý, sử dụng chỉ có các cây hồi già và các bụi cây, không có cây hồi non có đường kính tương đồng với các cây hồi trên đất tranh chấp với ông Vi Văn B; 01 cây sớ trồng trên phần đất của gia đình ông Vy Văn É. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết giao cho ông Vi Văn B được quyền khai thác, quản lý, sử dụng 10 cây hồi, 01 cây gỗ tạp; ông Vy Văn É được quyền khai thác, quản lý, sử dụng 03 cây Sa Mộc, 01 cây sớ, 01 cây gỗ tạp còn lại là có căn cứ. Việc quản lý, sử dụng, khai thác các cây trên đất theo quy hoạch rừng phòng hộ được thực hiện theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vy Văn É.

[9] Về chi phí tố tụng: Ông Vi Văn B tạm ứng nộp với tổng số tiền là 11.050.000 đồng, trong đó đã chi việc xem xét thẩm định và định giá tài sản 4.401.000 đồng, chi phí đo đạc địa chính khu đất 6.649.000 đồng. Do yêu cầu đòi quản lý, sử dụng đất của nguyên đơn không được chấp nhận nên cấp sơ thẩm buộc nguyên đơn phải chịu chi phí đo đạc đất là 6.649.000 đồng là đúng. Về chi phí kiểm

đếm, thẩm định, định giá số tiền là 4.401.000 đồng. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chỉ xác định số cây tranh chấp là 16 cây và không xem xét 5 cây bị chặt phá để xác định nghĩa vụ chịu chi phí tổ tụng là thiếu sót cần phải sửa phần chi phí tổ tụng: $(4.401.000 \text{ đồng} : 21 \text{ cây} = 209.572 \text{ đồng})$. Ông Vi Văn B yêu cầu bồi thường 05 cây hồi bị chặt phá không được chấp nhận nên tự phải chịu chi phí là 5 cây x 209.572 đồng = 1.047.860 đồng; ông Vy Văn Bạch được quyền sở hữu 11 cây nên ông Vy Văn É phải chịu chi phí tổ tụng là 11 cây x 209.572 đồng = 2.305.292 đồng; ông Vy Văn É được quyền sở hữu 05 cây nên buộc ông Vi Văn B phải chịu chi phí tổ tụng 5 cây x 209.572 đồng = 1.047.860 đồng. Do nguyên đơn đã thanh toán toàn bộ chi phí 11.050.000 đồng nên bị đơn có nghĩa vụ phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.305.292 đồng (hai triệu ba trăm không năm nghìn hai trăm chín mươi hai đồng).

[10] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông Vy Văn É kháng cáo không phải chịu tiền án phí phúc thẩm; mặt khác ông Vi Văn B và ông Vy Văn É là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã vùng ba đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[13] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khóa 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Vy Văn É; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; cụ thể:

1. Về quyền sử dụng đất:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vi Văn B về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp 605,1m²; địa danh: CL (CD) - Sâm Canh, thôn LP - Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, gồm: 233,6m² thuộc một phần thửa đất số 1 tờ bản đồ số 1, bản đồ đất lâm nghiệp xã Tân Đoàn (trong đó có 190,0m² chồng đè lên thửa đất số 3 tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính xã T) và 371,5m² thuộc một phần thửa đất số 4 tờ bản đồ số 1 bản đồ đất lâm nghiệp xã T (trong đó diện tích 371,5m² chồng đè lên thửa số 3, tờ bản đồ số 4, bản đồ địa chính xã T), đất tranh chấp được thể hiện trên sơ đồ khu đất

tranh chấp ngày 03/12/2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Tài nguyên số 1 Lạng Sơn có các vị trí đỉnh thửa: A, B, C, D, E, F, G, H, K, L, M, N, O, A. Diện tích đất tranh chấp có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp ông Vy Văn É có cạnh dài: 8,74m + 12,48m + 10,77m + 6,84m + 12,63m + 6,14m + 11,21m + 19,06m + 12,96m + 10,30m + 7,80m + 5,08m + 12,72m + 10,75m + 11,81m + 10,66m + 20,07m (các điểm BCDEFG).

- Phía Tây giáp ông Vi Văn B có cạnh dài: 9,07m + 12,45m + 10,69m + 6,82m + 12,23m + 7,40m + 8,96m + 6,96m + 8,85m + 8,70m + 15,29m + 9,86m + 8,09m + 4,95m + 13,27m + 10,23m + 11,69m + 10,46m + 20,33m (các điểm AONMLKH)

- Phía Nam giáp đường mòn có cạnh dài: 1,89m (các điểm HG)

- Phía Bắc giáp đất ông Vy Văn É có cạnh dài: 1,80m (các điểm AB)

1.2. Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn có trách nhiệm quản lý diện tích đất tranh chấp 605,1m² đất rừng phòng hộ; địa danh CL (CD) - Sâm Canh, thôn LP - Bản N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc giao rừng và đất rừng phòng hộ chưa giao, chưa cho thuê, giao cho UBND cấp xã quản lý; Quyết định 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt, điều chỉnh ranh giới 3 loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 là quy hoạch rừng phòng hộ và Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

(Theo sơ đồ khu đất tranh chấp ngày 03/12/2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Tài nguyên số 1 Lạng Sơn kèm theo bản án)

1.3. Buộc ông Vi Văn B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bên nguyên đơn là bà Hoàng Thị H phải chấm dứt việc tranh chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản có trên đất tranh chấp với bên bị đơn ông Vy Văn É và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn là bà Triệu Thị T.

2. Về tài sản trên đất:

2.1 Ông Vi Văn B được quyền khai thác, quản lý, sử dụng 10 cây hồi, 01 cây gỗ tạp trên phần diện tích đất tranh chấp 605,1m²; thể hiện trên sơ họa có các vị trí đỉnh thửa: A, B, C, D, E, F, G, H, K, L, M, N, O, A; việc khai thác tài sản, các cây trên đất quy hoạch rừng phòng hộ được thực hiện theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng.

2.2. Ông Vy Văn É được quyền khai thác, quản lý, sử dụng 03 cây Sa Mộc, 01 cây sớ, 01 cây gỗ tạp còn lại trên đất tranh chấp 605,1m²; thể hiện trên sơ họa có các vị trí đỉnh thửa: A, B, C, D, E, F, G, H, K, L, M, N, O, A; việc khai thác tài sản, các cây trên đất quy hoạch rừng phòng hộ được thực hiện theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng.

(Tài sản trên đất được thể hiện theo sơ đồ khu đất tranh chấp ngày

03/12/2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn Tài nguyên số 1 Lạng Sơn)

3. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại 05 cây hồi của ông Vy Văn B với tổng giá trị 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

4. Về chi phí tố tụng: Ông Vi Văn B phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 8.744.708 đồng (*Tám triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm không tám đồng*). Ông Vy Văn É phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 2.305.292 đồng. Do ông Vi Văn B đã tạm ứng trước toàn bộ số tiền trên để chi nên buộc ông Vy Văn É có nghĩa vụ phải trả lại ông Vi Văn B số tiền 2.305.292 đồng (*Hai triệu ba trăm không năm nghìn hai trăm chín mươi hai đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Ông Vi Văn B và ông Vy Văn É được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Trả lại cho ông Vi Văn B số tiền 1.050.000 đồng (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0006012 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Văn Quan, T. Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Quan, T. Lạng Sơn;
- CCTHADS H. Văn Quan, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Châm

**CÁC THẨM PHÁN THÀNH VIÊN
TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Vi Đức Trí

Lộc Sơn Thái

Hồ Đức Châm

